



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2013
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2013**



Thành viên hãng AGN International / Member Firm of AGN International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 41

7123
G T
EM HƯ
OÁN
ÀI CH
TÊ
I-TP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Đậu Minh Lâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Nguyễn Lê Văn	Ủy viên Hội đồng Quản trị
3. Ông Nguyễn Văn Xuân	Ủy viên Hội đồng Quản trị
4. Ông Nguyễn Hồng Phong	Ủy viên Hội đồng Quản trị
5. Ông Võ Anh Linh	Ủy viên Hội đồng Quản trị
6. Ông Đậu Xuân Khánh	Ủy viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 05/02/2013)
7. Ông Nguyễn Thái Khanh	Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Đậu Xuân Khánh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05/02/2013)
2. Ông Nguyễn Văn Độ	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 06/02/2013)
3. Ông Nguyễn Lê Văn	Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Nguyễn Công Khởi	Phó Tổng Giám đốc
5. Ông Đậu Xuân Khánh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/02/2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2013

T. NH. H.
N. O. I.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3414 /2013/BCKT-IFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT **Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013** **đến ngày 30 tháng 06 năm 2013** **của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện**

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện

Chúng tôi đã tiến hành soát xét báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được lập ngày 29 tháng 08 năm 2013 từ trang 5 đến trang 41 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Phạm Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
GCNĐKHNTK số 0747-2013-072-1
Ngày 29 tháng 08 năm 2013

Phạm Thị Thu Hương
Kiểm toán viên
GCNĐKHNTK số 1693-2013-072-1



Đơn vị tính: VND

TRÀ
KI
TÚ
C
HÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt,
Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		127.744.738.001	169.006.299.889
I. Nợ ngắn hạn	310		124.885.045.171	167.205.895.454
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	10.525.173.584	36.236.016.871
2. Phải trả cho người bán	312	V.17	29.532.507.909	35.077.630.116
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	36.271.802.734	34.432.348.024
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	20.660.283.514	21.979.263.832
5. Phải trả người lao động	315		1.814.908.389	2.448.876.326
6. Chi phí phải trả	316	V.20	2.833.538.838	3.944.647.651
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	23.028.305.878	32.994.027.533
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		218.524.325	93.085.101
II. Nợ dài hạn	330		2.859.692.830	1.800.404.435
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.120.000.000	20.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.22	480.400.000	480.400.000
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.259.292.830	1.300.004.435
B. NGUỒN VỐN	400		184.732.159.061	191.168.232.109
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	180.544.792.198	186.857.660.366
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128.579.026.190	128.579.026.190
3. Cổ phiếu quỹ	414		(15.905.103.159)	(15.905.103.159)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		24.225.192.271	24.225.192.271
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.421.003.330	3.421.003.330
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(59.775.326.434)	(53.462.458.266)
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	430		4.187.366.863	4.310.571.743
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		312.476.897.062	360.174.531.998



Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Văn Hội
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu B 02-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		28.557.577.450	58.398.656.422
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	28.557.577.450	58.398.656.422
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	25.714.026.589	60.201.415.449
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp	20		2.843.550.861	(1.802.759.027)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	361.008.359	1.455.239.814
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.568.379.154	3.269.709.540
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.387.626.593	3.235.914.074
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	906.666.758	409.575.177
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6.561.590.603	20.845.568.051
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.832.077.295)	(24.872.371.981)
11. Thu nhập khác	31		6.015.460.077	1.136.978.532
12. Chi phí khác	32		6.857.418.312	2.085.096.101
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	(841.958.235)	(948.117.569)
14. Lãi/(lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết	41		237.962.482	(3.353.322.984)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.436.073.048)	(29.173.812.534)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.436.073.048)	(29.173.812.534)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			(123.204.880)	(1.335.834.748)
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			(6.312.868.168)	(27.837.977.786)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(619)	(2.578)



Nguyễn Văn Độ
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Văn Hội
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(6.436.073.048)	(29.173.812.534)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.009.555.360	1.663.462.053
Các khoản dự phòng	03	(1.115.271.435)	19.624.402.800
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	175.952.903	(3.214.125.694)
Chi phí lãi vay	06	1.387.626.593	3.235.914.074
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	(1.978.209.627)	(7.864.159.301)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	40.562.234.744	44.405.945.224
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.259.627.246)	(12.380.029.532)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(14.587.527.529)	(11.332.324.682)
Giảm chi phí trả trước	12	(167.692.879)	1.289.358.286
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.894.047.462)	(5.417.808.515)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(165.000.000)	(59.787.600)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	15.006.452
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(3.301.606.548)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	20.510.130.001	5.354.593.784
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHD khác	21	-	(12.000.000)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	5.885.128.545	997.727.273
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	361.008.359	256.713.389
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.246.136.904	1.242.440.662
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	14.228.049.325	16.198.499.773
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(39.938.892.612)	(24.203.768.452)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(545.013.007)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(25.710.843.287)	(8.550.281.686)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.045.423.618	(1.953.247.240)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	7.971.788.823	7.961.236.337
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	1.974.320
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	9.017.212.441	6.009.963.417



Nguyễn Văn Độ
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Văn Hội
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
 Người lập biểu

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 31/2004/QĐ-BBCVT ngày 09 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn Thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 12 năm 2004. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 7 lần thay đổi giấy đăng ký kinh doanh, hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 16 tháng 05 năm 2012.

Công ty có tên giao dịch: Post and Telecommunications investment anh Construction Joint Stock Company (Ptic.,JSC)

Trụ sở chính của Công ty tại thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Công ty con

Công ty Cổ phần PTIC-ZTE Công nghệ viễn thông (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103028682 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 09 tháng 12 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 05 tháng 4 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty con : Lô 17H2 Khu đô thị Yên Hòa, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội.

Hoạt động chính của Công ty con : Sản xuất, kinh doanh thiết bị viễn thông

Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2012: 21.702.512.373 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 72,97%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 72,97%

Vốn điều lệ của Công ty

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Danh sách các cổ đông sáng lập theo Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Tên cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Tài chính Bưu điện	Phổ thông	157.800	1.578.000.000	1,58
2	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Phổ thông	3.000.000	30.000.000.000	30
3	Nguyễn Phong	Phổ thông	63.880	638.800.000	0,64

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Xí nghiệp 1
- Xí nghiệp 2
- Xí nghiệp 3
- Xí nghiệp 4
- Xí nghiệp 5
- Xí nghiệp 6 (thu hẹp hoạt động từ năm 2010)
- Xí nghiệp 7
- Xí nghiệp Dịch vụ kỹ thuật Viễn Thông
- Xí nghiệp Tư vấn thiết kế
- Xí nghiệp Khảo sát thiết kế
- Nhà máy Vật liệu Viễn thông 1 (ngừng sản xuất từ ngày 09 tháng 11 năm 2009)
- Chi nhánh Miền trung (ngừng hoạt động từ ngày 31 tháng 03 năm 2012)
- Chi nhánh Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất;
- Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột anten;
- Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp thoát nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Thiết kế quy hoạch mặt bằng, kiến trúc nội thất: Đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định pháp luật;
- Khảo sát công trình xây dựng;
- Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị;
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng;

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng.
- Lắp đặt, bảo trì bảo dưỡng sửa chữa, trợ giúp vận hành và khai thác các công trình, thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Hoạt động viễn thông có dây (Không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động viễn thông không dây (Không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Đại lý bảo hiểm;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chỉ hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký kinh doanh).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện, công ty con là Công ty Cổ phần PTIC-ZTE Công nghệ viễn thông, các công ty liên kết là Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam Vina-OFC và Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung. Các Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 của các công ty liên kết chưa được soát xét.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được lập cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT - BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán	5

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) **MÀU SỐ B09 - DN/HN**
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết được kế toán và trình bày trên Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của khoản đầu tư tại ngày lập Báo cáo tài chính là tài sản thực đã đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết, được đánh giá hợp lý và/hoặc được các đồng chủ sở hữu (nếu có) hoặc của bên chuyển nhượng khoản đầu tư chấp nhận.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là các khoản thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc của khoản đầu tư tương ứng. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong kỳ. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Các khoản đầu tư được phân loại và trình bày trên Báo cáo tài chính dựa vào thời gian thu hồi hoặc đáo hạn. Cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ thời điểm phát sinh được coi là khoản “tương đương tiền”;
- Đối với các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn đến một (01) năm hoặc một (01) chu kỳ kinh doanh được phân loại là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn;
- Đối với các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn trên một (01) năm hoặc một (01) chu kỳ kinh doanh được phân loại là khoản đầu tư tài chính dài hạn;

Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư tài chính khác tại ngày lập Báo cáo tài chính được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản đầu tư khác.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

10117
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUỐC
VANG M

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng (Tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo giá trị còn lại của phần tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại cổ phiếu quỹ tài phát hành sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến việc phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trình bày trên Báo cáo tài chính là số lũy kế của kết quả hoạt động kinh doanh chưa quyết toán hoặc chưa được phân phối lại tại ngày lập báo cáo. Đại hội đồng cổ đông sẽ phê duyệt Báo cáo tài chính và thực hiện phân phối lợi nhuận để trích lập các quỹ, chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn hoặc để lại bổ sung vốn kinh doanh phù hợp với các quy định pháp lý hiện hành, theo Điều lệ Công ty và các Nghị quyết được thông qua tại Đại hội cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

23.
TV
HỮU
ÁN
ICH
TÊ
TP

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất và cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia và quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Theo đó, Báo cáo bộ phận của Công ty được chia làm 2 loại: Báo cáo bộ phận chính yếu và Báo cáo bộ phận thứ yếu. Theo chính sách chung của Công ty, Báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên các tiêu thức doanh thu, kết quả kinh doanh và tổng tài sản bao gồm 2 lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Là hoạt động về xây lắp các công trình.
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: Hoạt động chủ yếu bán hàng hóa, thành phẩm cáp.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày tại thuyết minh số VII.2 “*Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan*”.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty áp dụng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

C.T.T.N. và C.T.T.N.
HÀ NỘI
HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	460.768.073	489.578.607
Tiền gửi ngân hàng	3.427.038.774	2.529.862.423
Các khoản tương đương tiền (*)	5.129.405.594	4.952.347.793
Cộng	9.017.212.441	7.971.788.823

(*) Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Hà Nội theo Hợp đồng tiền gửi số 09/05/2012/HDTGNH ngày 09/05/2012. Đến thời điểm tất toán, Công ty không có nhu cầu tất toán nên gốc và lãi đã tự động quay vòng theo kỳ hạn trên hợp đồng và hưởng lãi suất tại thời điểm quay vòng.

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	1.175.000.000	1.175.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ viễn thông và in Bưu điện	1.175.000.000	1.175.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	810.671.105	810.671.105
- Cho vay cá nhân	810.671.105	810.671.105
Cộng	1.985.671.105	1.985.671.105
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(1.015.000.000)	(1.003.000.000)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	970.671.105	982.671.105

3. Phải thu khách hàng

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khách hàng thương mại	3.963.559.933	4.094.753.277
Phải thu khách hàng sản phẩm xây lắp	83.051.932.225	129.465.167.533
Phải thu khách hàng sản phẩm khác	2.915.940.163	7.521.258.253
Cộng	89.931.432.321	141.081.179.063

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
 Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội đến ngày 30 tháng 06 năm 2013
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B09 - DN/HN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. Trả trước cho người bán

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP Gang thép VẠN LỢI Phú Thọ	1.646.295.000	1.646.295.000
Công ty TNHH Hưng Nguyên	1.238.690.800	1.238.690.800
Đối tượng khác	5.675.170.544	1.761.079.446
Cộng	8.560.156.344	4.646.065.246

5. Các khoản phải thu khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ban quản lý dự án tại thành phố Vinh	-	1.356.770.165
Tiền cổ tức phải thu	493.000.000	493.000.000
BHXX, BHYT phải thu CBCNV	300.804.518	65.207.994
Các đối tượng khác	2.654.690.936	3.726.962.353
Cộng	3.448.495.454	5.641.940.512

6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số đầu kỳ	19.223.323.188	2.983.493.778
Trích lập dự phòng bổ sung	247.714.809	17.117.720.055
Hoàn nhập dự phòng	(1.065.686.214)	(877.890.645)
Số cuối kỳ	18.405.351.783	19.223.323.188

7. Hàng tồn kho

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	221.301.641	976.975.742
Công cụ, dụng cụ	1.664.641.653	1.337.811.786
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	77.971.726.199	75.787.020.959
Thành phẩm	391.337.917	391.337.917
Hàng hóa	3.388.448.907	4.235.718.594
Hàng gửi đi bán	143.394.988	101.659.091
Cộng	83.780.851.305	82.830.524.089
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.915.552.396)	(3.224.852.426)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	80.865.298.909	79.605.671.663

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư		
Xây dựng Bưu điện	39.712.374.580	33.427.360.682
+ Tài sản và công cụ dụng cụ cho thuê	1.745.736.554	1.618.032.008
+ Nhà truyền báo truyền dữ liệu Internet		
Đăk-Lăk	-	344.830.000
+ Xây lắp nhà chính TTVT6 Đăk-Lăk,		
Đăk-Nông	22.920.000	22.920.000
+ Xây dựng hệ thống cống bể ngầm		
KĐT Nghĩa Đô	696.845.510	696.845.510
+ Tòa nhà Viettel Thái Nguyên	145.381.555	-
+ Trụ sở Ngân hàng TMCP Ngoại		
thương - Đà Lạt	5.187.705.929	-
+ Bất động sản đầu tư	31.913.785.032	30.744.733.164
- Dự án tiểu khu đô thị VT & Công nghệ		
thông tin Nghệ An	31.913.785.032	30.281.840.937
- Dự án trung tâm điều dưỡng và cụm		
biệt thự VNPT - Đà Nẵng	-	462.892.227
Các đơn vị trực thuộc	38.259.351.619	42.359.660.277
Cộng	77.971.726.199	75.787.020.959

8. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.769.417.565	848.845.296
Tạm ứng	33.741.921.641	25.908.605.886
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	222.145.013	277.020.013
Cộng	35.733.484.219	27.034.471.195

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt,
Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	52.470.487.188	75.750.218.184	7.981.946.489	3.946.640.649	140.149.292.510
Đầu tư XDCB hoàn thành	357.050.349	-	-	-	357.050.349
Tăng do phân loại lại	-	1.342.360.142	1.616.367.975	192.194.878	3.150.922.995
Giảm do thanh lý, nhượng bán	7.173.797.909	17.300.000	322.809.000	113.785.722	7.627.692.631
Giảm do phân loại theo TT45 (*)	31.721.647	927.331.292	-	1.507.905.711	2.466.958.650
Giảm do phân loại lại	542.001.426	1.629.716.352	811.052.728	168.152.489	3.150.922.995
Giảm khác	-	-	-	123.906.775	123.906.775
Tại ngày 30/06/2013	45.080.016.555	74.518.230.682	8.464.452.736	2.225.084.830	130.287.784.803
KHẤU HAO					
Tại ngày 01/01/2013	13.952.217.359	47.525.862.375	6.915.673.340	3.238.070.736	71.631.823.810
Tăng khấu hao trong kỳ	1.808.286.584	1.815.725.497	198.967.391	157.970.035	3.980.949.507
Tăng do phân loại lại	-	957.351.214	1.155.870.247	270.067.644	2.383.289.105
Giảm do thanh lý, nhượng bán	777.161.420	17.300.000	322.809.000	88.332.400	1.205.602.820
Giảm do phân loại theo TT45 (*)	31.721.647	832.184.542	-	1.323.033.517	2.186.939.706
Giảm do phân loại lại	371.823.145	1.658.841.053	305.615.768	47.009.139	2.383.289.105
Giảm khác	-	-	-	123.906.775	123.906.775
Tại ngày 30/06/2013	14.579.797.731	47.790.613.491	7.642.086.210	2.083.826.584	72.096.324.016
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2013	38.518.269.829	28.224.355.809	1.066.273.149	708.569.913	68.517.468.700
Tại ngày 30/06/2013	30.500.218.824	26.727.617.191	822.366.526	141.258.246	58.191.460.787

(*) Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MÃU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2013	416.872.000	416.872.000
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	73.872.000	73.872.000
Tại ngày 30/06/2013	343.000.000	343.000.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2013	214.864.652	214.864.652
Khấu hao trong kỳ	28.605.853	28.605.853
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	65.470.507	65.470.507
Tại ngày 30/06/2013	177.999.998	177.999.998
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2013	202.007.348	202.007.348
Tại ngày 30/06/2013	165.000.002	165.000.002

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	589.446.250	589.446.250
- Mua đất tại thành phố Hồ Chí Minh	589.446.250	589.446.250
Xây dựng cơ bản dở dang	12.034.751.445	12.391.801.794
- Dự án đất C30 TP Hồ Chí Minh	5.037.401.712	5.037.401.712
- Xây dựng nhà ăn Công ty	-	268.001.440
- Xây nâng tường rào công ty	-	89.048.909
- Dây chuyền lắp ráp điện thoại Gphone	6.997.349.733	6.997.349.733
Cộng	12.624.197.695	12.981.248.044

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt,

Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
			%	
Công ty Cổ phần PTIC -ZTE Công nghệ Viễn thông	Hà Nội	72,97%	72,97%	Sản xuất, kinh doanh thiết bị công nghệ, viễn thông

13. Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
Đầu tư vào Công ty liên kết	2.684.811	23.388.430.219	2.686.496	23.185.874.585
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam Vina_Ofc	2.227.500	18.815.321.183	2.227.500	18.595.915.669
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	457.311	4.573.109.036	458.996	4.589.958.916
Cộng	2.684.811	23.388.430.219	2.686.496	23.185.874.585

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt,

Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***14. Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
			%	
Công ty Cổ phần Cấp Quang Việt Nam Vina_Ofc	Hà Nội	25,00%	25,00%	Sản xuất, kinh doanh sợi cáp quang, thiết bị, vật tư công nghệ, viễn thông
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	Đà Nẵng	46,73%	46,73%	Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử

14. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp (VND)	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp (VND)
Đầu tư cổ phiếu				
Công ty Cổ phần Công nghệ cáp quang và Thiết bị Bưu điện	493.000	4.930.000.000	493.000	4.930.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bưu điện Hà Tĩnh	84.000	840.000.000	84.000	840.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Bưu chính Viễn Thông	25.000	250.000.000	25.000	250.000.000
Cộng	602.000	6.020.000.000	602.000	6.020.000.000

15. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản VND	Tổng cộng VND
Số đầu kỳ	166.787.600	166.787.600
Số cuối kỳ	166.787.600	166.787.600

16. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay các tổ chức tín dụng		
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Nam Hà Nội (i)	1.214.232.441	28.761.832.827
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	-	1.082.574.130
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Teckcombank (ii)	411.738.943	411.738.943
Vay tổ chức, cá nhân khác		
- Vay cá nhân	8.774.402.200	5.730.270.971
Nợ dài hạn đến hạn trả	124.800.000	249.600.000
Cộng	10.525.173.584	36.236.016.871

- (i) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Hà Nội để bổ sung vốn kinh doanh lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay theo từng kế ước nhận nợ.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Lý Thường Kiệt, số dư nợ gốc là 19.769,00 USD, bao gồm 2 kế ước vay số 0140 ngày 07/01/2011 và kế ước vay số 0099 ngày 04/01/2011, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 7%/năm. Hai khoản vay này sử dụng để thanh toán LC số TF1030801008/SGO và TF103401001/SGO.

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MÃ SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

17. Phải trả người bán

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả người bán hàng thương mại	3.455.546.500	3.910.568.236
Phải trả người bán hàng sản phẩm xây lắp	19.572.176.636	29.764.574.051
Phải trả người bán hàng sản phẩm khác	6.504.784.773	1.402.487.829
Cộng	29.532.507.909	35.077.630.116

18. Người mua trả tiền trước

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Người mua trả tiền trước về bất động sản	7.189.380.000	8.339.380.000
Người mua trả tiền trước về xây lắp	28.510.559.828	25.391.575.809
Người mua trả tiền trước về khoản khác	571.862.906	701.392.215
Cộng	36.271.802.734	34.432.348.024

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	13.182.579.956	13.477.687.919
Thuế xuất, nhập khẩu	50.186.649	1.252.197.169
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.014.179.112	4.171.774.699
Thuế thu nhập cá nhân	633.678.863	516.224.427
Thuế chuyển quyền sử dụng đất	1.663.215.850	1.636.028.850
Thuế khác	1.116.443.084	925.350.768
Cộng	20.660.283.514	21.979.263.832

20. Chi phí phải trả

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	69.576.403	575.997.272
Chi phí dự án, công trình	2.763.962.435	3.368.650.379
Cộng	2.833.538.838	3.944.647.651

21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	815.514.603	457.572.136
BHXH, BHYT, BHTN	1.576.354.709	655.914.110
Phải trả cổ phần hóa	51.520.000	51.520.000
Cổ tức lợi nhuận phải trả	1.201.975.000	1.201.975.000
Các khoản phải trả khác	19.382.941.566	30.627.046.287
- Các chủ nhiệm chi phí công trình	18.635.346.936	25.787.078.958
- Các khoản phải trả khác	747.594.630	4.839.967.329
Cộng	23.028.305.878	32.994.027.533

22. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội (*)	480.400.000	480.400.000
Cộng	480.400.000	480.400.000

(*) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội theo Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 99.247673.TD ngày 05/11/2010 để mua 2 xe ô tô Toyota Fortuner, thời hạn vay từ ngày 05/11/2010 đến ngày 05/11/2015, lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân là 14,5% và sẽ được thay đổi theo quy định hợp đồng.

17712
 CÔNG TY
 CHIẾM HỮU
 TOÁN
 TÀI CHÍNH
 ÔC TẾ
 TÀI - TẾ

23. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2012	100.000.000.000	128.579.026.190	(15.905.103.159)	(73.733.349)	24.225.192.271	3.421.003.330	3.027.534.496	243.273.919.779
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(56.489.992.762)	(56.489.992.762)
Giảm khác	-	-	-	73.733.349	-	-	-	73.733.349
Số dư tại 31/12/2012	100.000.000.000	128.579.026.190	(15.905.103.159)	-	24.225.192.271	3.421.003.330	(53.462.458.266)	186.857.660.366
Lỗi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(6.312.868.168)	(6.312.868.168)
Số dư tại 30/06/2013	100.000.000.000	128.579.026.190	(15.905.103.159)	-	24.225.192.271	3.421.003.330	(59.775.326.434)	180.544.792.198

23. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông, thành viên	70.000.000.000	70.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	128.579.026.190	128.579.026.190
Cổ phiếu quỹ	(15.905.103.159)	(15.905.103.159)
Cộng	212.673.923.031	212.673.923.031

c) Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu mua lại	(500.000)	(500.000)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>(500.000)</i>	<i>(500.000)</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.500.000</i>	<i>9.500.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.019.349.483	5.601.701.500
Doanh thu hoạt động xây lắp	18.911.274.991	52.461.002.888
Doanh thu khác (*)	4.626.952.976	335.952.034
Cộng	28.557.577.450	58.398.656.422
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.557.577.450	58.398.656.422

(*) Doanh thu khác trong kỳ là doanh thu từ cho thuê trạm BTS.

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013

đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mẫu số B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	3.762.849.684	8.876.026.106
Giá vốn hoạt động xây lắp	18.964.843.231	53.502.238.836
Giá vốn hoạt động khác	2.986.333.674	436.797.297
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2.613.646.790)
Cộng	25.714.026.589	60.201.415.449

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	361.008.359	1.194.665.144
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	-	246.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	321.443
Doanh thu tài chính khác	-	13.753.227
Cộng	361.008.359	1.455.239.814

4. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.387.626.593	3.235.914.074
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	33.795.466
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	12.000.000	-
Chi phí tài chính khác	168.752.561	-
Cộng	1.568.379.154	3.269.709.540

5. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nhân công	162.648.694	222.705.945
Chi phí dịch vụ mua ngoài	241.272.727	-
Chi phí bằng tiền khác	502.745.337	186.869.232
Cộng	906.666.758	409.575.177

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.707.834.050	3.709.576.057
Chi phí đồ dùng văn phòng	35.278.957	451.911.814
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.104.631.795	782.176.676
Thuế, phí và lệ phí	269.027.690	396.249.584
Chi phí dự phòng	(817.971.405)	13.830.133.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	138.922.545	915.021.019
Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ	35.406.848	35.406.848
Chi phí bằng tiền khác	1.088.460.123	725.092.948
Cộng	6.561.590.603	20.845.568.051

7. Lợi nhuận khác

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	5.886.964.909	959.545.455
Thu nhập từ cho thuê sân tennis	40.531.200	36.864.000
Thu nhập khác	87.963.968	140.569.077
Cộng thu nhập khác	6.015.460.077	1.136.978.532
GTCL của tài sản cố định đã thanh lý	6.422.089.807	1.852.506.567
Nộp phạt vi phạm hành chính, hợp đồng	116.711.281	206.087.682
Chi phí khác	318.617.224	26.501.852
Cộng chi phí khác	6.857.418.312	2.085.096.101
Lợi nhuận từ hoạt động khác	(841.958.235)	(948.117.569)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(5.879.466.997)	(24.486.493.116)
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.879.466.997)	(24.486.493.116)
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(619)	(2.578)
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.052.450.709	43.095.615.023
Chi phí nhân công	9.666.381.156	19.173.422.446
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.009.555.360	1.369.600.177
Thuế, phí và lệ phí	272.887.479	322.677.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.201.732.608	3.838.812.910
Chi phí bằng tiền khác	4.238.903.884	17.889.840.096
Cộng	34.441.911.196	85.689.968.052

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.16 “Vay và nợ ngắn hạn” và V.22 “Vay và nợ dài hạn” trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV. “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu”.

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Tài sản (USD)	
	30/06/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	500,20	590,95
Cộng	500,20	590,95
	Công nợ phải trả (USD)	
	30/06/2013	01/01/2012
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	19.769,00	19.769,00
Cộng	19.769,00	19.769,00

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 30/06/2013			
Các khoản vay	10.525.173.584	480.400.000	11.005.573.584
Phải trả người bán và phải trả khác	52.560.813.787	1.120.000.000	53.680.813.787
Chi phí phải trả	69.576.403	2.763.962.435	2.833.538.838
Cộng	63.155.563.774	4.364.362.435	67.519.926.209
Tại ngày 01/01/2013			
Các khoản vay	36.236.016.871	480.400.000	36.716.416.871
Phải trả người bán và phải trả khác	68.071.657.649	20.000.000	68.091.657.649
Chi phí phải trả	3.944.647.651	-	3.944.647.651
Cộng	108.252.322.171	500.400.000	108.752.722.171

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 30/06/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.017.212.441	-	9.017.212.441
Phải thu khách hàng và phải thu khác	74.974.575.992	-	74.974.575.992
Đầu tư ngắn hạn	970.671.105	-	970.671.105
Đầu tư dài hạn	-	6.020.000.000	6.020.000.000
Cộng	84.962.459.538	6.020.000.000	90.982.459.538
Tại ngày 01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.971.788.823	-	7.971.788.823
Phải thu khách hàng và phải thu khác	127.499.796.387	-	127.499.796.387
Đầu tư ngắn hạn	982.671.105	-	982.671.105
Đầu tư dài hạn	-	6.020.000.000	6.020.000.000
Cộng	136.454.256.315	6.020.000.000	142.474.256.315

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	134.042.556
Lương, thưởng Ban Giám đốc	242.967.946	496.347.731
Thù lao Ban Kiểm soát	-	45.957.444
Cộng	242.967.946	676.347.731

Các bên liên quan có giao dịch trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012
	VND	VND
Thu nhập		
Công ty Cổ phần Công nghệ cáp quang và Thiết bị Bưu điện	-	246.500.000
- Cổ tức được chia	-	246.500.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông	43.500.000	287.984.297
- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	-	287.984.297
- Bù trừ công nợ thưởng CBCNV vì sự nghiệp ngành Bưu điện	43.500.000	
Cộng	43.500.000	534.484.297
Chi phí		
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	-	7.808.725.907
- Mua hàng hóa, dịch vụ	-	7.808.725.907
Cộng	-	7.808.725.907

Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 giữa các bên liên quan như sau:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Công nghệ cáp quang và Thiết bị Bưu điện	493.000.000	493.000.000
- Phải thu cổ tức	493.000.000	493.000.000
Cộng	493.000.000	493.000.000
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Xây lắp Bưu điện Miền Trung	2.967.643.080	3.448.890.519
- Phải trả tiền hàng và dịch vụ cung cấp	2.967.643.080	3.448.890.519
Cộng	2.967.643.080	3.448.890.519

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP)

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

	Xây dựng	Kinh doanh thương mại	Khác	Tổng cộng
	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	18.911.274.991	5.019.349.483	4.626.952.976	28.557.577.450
Tổng doanh thu	18.911.274.991	5.019.349.483	4.626.952.976	28.557.577.450
Chi phí kinh doanh theo bộ phận	18.964.843.231	3.762.849.684	2.986.333.674	25.714.026.589
Kết quả kinh doanh bộ phận	(53.568.240)	1.256.499.799	1.640.619.302	2.843.550.861
Chi phí không phân bổ				(7.468.257.361)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(4.624.706.500)
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết				237.962.482
Doanh thu tài chính				361.008.359
Chi phí tài chính				(1.568.379.154)
Lãi (lỗ) hoạt động khác				(841.958.235)
Lợi nhuận trước thuế				(6.436.073.048)
Lợi nhuận trong năm				(6.436.073.048)

4. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

5. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán và Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 đã được



Nguyễn Văn Độ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Văn Hội
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hải
Người lập biểu